



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2017

MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2
1. <i>Thông tin khái quát</i>	2
2. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:</i>	2
3. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i> ..	3
4. <i>Định hướng phát triển</i>	3
5. <i>Các rủi ro:</i>	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	5
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:</i>	5
2. <i>Tổ chức và nhân sự:</i>	5
3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:</i>	7
4. <i>Tình hình tài chính:</i>	8
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:</i>	9
6. <i>Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty</i>	10
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	13
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	13
2. <i>Tình hình tài chính</i>	15
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.</i>	16
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	17
5. <i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. Không có.</i>	19
6. <i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty</i>	19
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	20
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.</i>	20
2. <i>Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</i>	22
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	23
V. Quản trị Công ty	24
1. <i>Hội đồng quản trị</i>	24
2. <i>Ban Kiểm soát</i>	29
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</i>	31
VI. Báo cáo tài chính	33
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i>	33
2. <i>Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm).</i>	34



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Cát Lợi.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.
- Vốn điều lệ: 131.038.300.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.038.300.000 VND.
- Địa chỉ: 934 D2, Đường D, Khu CN Cát Lái, P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM.
- Số điện thoại: 08.37421118
- Số fax: 08.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): CLC

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 08/08/2008.
- Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì; sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điều trong cả nước từ Bắc tới Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định luật doanh nghiệp và luật chứng khoán bao gồm:

- Các cổ đông Công ty.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc.
- Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng tài chính kế toán.
- Phòng Kế hoạch vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng kỹ thuật.
- Kho vật tư thành phẩm.
- Phân xưởng In.
- Phân xưởng cây đầu lọc.

c. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc;

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;

- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;

- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất là thiết bị nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường; tiêu chuẩn vệ an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.
- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một số lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc điếu và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh (%)	
				TH-2016/ TH-2015	TH-2016/ KH-2016
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.763.660	1.695.000	1.818.971	103,14	107,31
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	121.250	80.000	141.227	116,48	176,53

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2016 đạt 1.818,97 tỷ đồng tương ứng tăng 107,31% so với kế hoạch năm và tăng 103,14% so với năm trước, lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty đạt 141,23 tỷ đồng tương ứng vượt 176,53% so với kế hoạch năm và tăng 116,48% so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Bùi Tấn Hòa + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 26/04/1971 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam Kỹ sư cơ khí Giám đốc, Ủy viên hội đồng quản trị, Không. 9.041 CP, chiếm 0,07% vốn điều lệ.
2. Ông Nguyễn Đức Hanh + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh :	Nam 01/01/1974 TP. Hồ Chí Minh

+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Kỹ sư chế tạo máy
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Phó Giám đốc
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	8.460 CP, chiếm 0,06% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Hoàng Minh	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	12/10/1980
+ Nơi sinh :	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Cử nhân kinh tế
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Phó Giám đốc
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	400 CP, chiếm 0,003% vốn điều lệ.
4. Ông Liêu Phước Tính	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	20/10/1985
+ Nơi sinh :	Trà Vinh
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Cử nhân kinh tế
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Kế toán trưởng
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Không

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Hoàng Minh chức vụ Phó Giám đốc theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 742/NQ-CPCL ngày 29/10/2016;
- Bổ nhiệm Ông Liêu Phước Tính chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 21/06/2016 theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 400/NQ-CPCL ngày 21/06/2016;
- Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Ông Trương Bình An Sơn từ ngày 15/04/2016 theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 189/NQ-CPCL ngày 01/04/2016.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2016 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	2
2. Đại học	63
3. Cao đẳng	17
4. Trung cấp	40
5. Trung học dạy nghề	81
6. Lao động phổ thông	116
Tổng cộng :	319

- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**a. Các khoản đầu tư lớn:**

Hoàn tất và đưa vào sử dụng 01 máy cắt chia cuộn từ tháng 07/2016, 01 máy in ống đồng 8 màu từ tháng 10/2016 và 01 máy sản xuất dây đầu lọc từ tháng 12/2016.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	739.069.899.108	782.407.764.362	5,9
Doanh thu thuần	1.762.605.673.250	1.817.520.543.073	3,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	121.203.597.547	140.729.532.948	16,1
Lợi nhuận khác	46.414.459	497.117.292	971
Lợi nhuận trước thuế	121.250.012.006	141.226.650.240	16,5
Lợi nhuận sau thuế	101.650.140.758	111.553.332.005	9,7
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45,12%	41,11%	-8,89

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện 2015 là 35%/vốn điều lệ chiếm 64,28% lợi nhuận sau thuế, năm 2016 dự kiến trả cổ tức là 35%.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu		Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
(Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	1,50	1,64	
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
(Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	"	0,46	0,49	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,18	51,58	
+ Hệ số nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	"	128,23	106,52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	3,31	3,46	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,38	2,32	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,77	6,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	"	31,39	29,44	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	13,75	14,26	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	"	6,88	7,74	

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty tăng so với năm trước đạt 1,64 lần (năm trước là 1,5 lần) cho thấy Công ty vẫn đảm bảo mức độ an toàn đối với hoạt động của Công ty. Hiện các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần năm 2016 cao hơn năm 2015 và đạt 7,74%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần tại 31/12/2016:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: -
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 13.103.830 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: -
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 18/11/2016:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	708	12.400.343	94,63%
1	Cổ đông Nhà nước (TCT Thuốc lá Việt Nam)	1	6.683.040	51,00%
2	Cổ đông lớn (Cty TL Sài Gòn > 5%)	1	836.270	6,38%
3	Công đoàn	1	3.589	0,03%
4	Cổ đông khác	705	4.877.444	37,22%

	HĐQT, BGD, BKS	5	78.904	0,60%
	Cá nhân	673	4.261.887	32,52%
	Tổ chức trong nước	27	536.653	4,10%
II.	Nước ngoài	<u>58</u>	<u>703.487</u>	<u>5,37%</u>
1	Cá nhân	42	168.667	1,29%
2	Tổ chức	16	534.820	4,08%
	<u>Tổng cộng</u>	<u>766</u>	<u>13.103.830</u>	<u>100%</u>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.683.040	51,00%
2	Cty TNHH 1TV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	836.270	6,38%
	<u>Tổng cộng</u>		<u>7.519.310</u>	<u>57,38%</u>

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Trong năm 2016 Công ty sử dụng 24.360 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: giấy các loại 15.169 tấn; Sợi tow các loại 6.262 tấn; mực các loại 392 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 2.537 tấn

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện với điện năng tiêu thụ năm 2016 là 6.366.764 kwh và dầu diesel 17,1 tấn

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Trong năm 2016 Công ty tiết kiệm được 102.445 kwh điện năng

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2016	
<i>Nội dung giải pháp</i>	<i>Kết quả tiết kiệm (KW/năm)</i>
Thiết kế hệ thống tự động điều khiển máy lạnh Trung tâm Phân xưởng nghỉ luân phiên	101.249
Chuyển hệ thống chiếu sáng từ sử dụng đèn compact và neon thành đèn led.	1.196
Tổng Cộng	102.445

6.3. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.

- Lượng nước trong năm 2016 Công ty đã sử dụng là 21.969 m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. 0%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Không lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Không đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 319 người với mức lương vị trí công việc trung bình trong năm 2016 đạt 10.109.602 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Người lao động của Công ty luôn có một môi trường làm việc an toàn và sức khỏe nghề nghiệp được đảm bảo.

- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Đóng bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Công ty đang triển khai xây dựng Hệ thống quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18000:2007, dự kiến đưa vào áp dụng từ quý 2/2017, nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2016 Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 460/năm, trung bình thời gian đào tạo dành cho một người là 1,53 giờ với đối tượng đào tạo gồm Cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và lao động phổ thông.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Việc đào tạo kỹ năng, chuyên môn cho người lao động được Công ty thực hiện thường xuyên trong năm, phù hợp với yêu cầu vị trí công tác của người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.

- Năm 2016, Công ty đã đóng góp 480 triệu đồng, cho các hoạt động xã hội gồm:

✚ Kết hợp với khách hàng là các Công ty sản xuất thuốc lá, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, xây dựng các công trình cầu, đường giao thông nông thôn tại vùng sâu, vùng xa: 280 triệu đồng.

✚ Kết hợp với Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo, ủng hộ chương trình đem lại ánh sáng cho người nghèo bị đục thủy tinh thể: 100 triệu đồng.

- ✚ Kết hợp với địa phương, ủng hộ giúp đỡ trẻ em nghèo tàn tật, chăm lo tết cho các hộ gia đình nghèo: 100 triệu đồng.
- ✚ Cũng như việc ủng hộ các ngày lương cho quỹ phòng chống thiên tai, lũ lụt và ngập lụt các tỉnh tại miền trung.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh (%)	
				TH-2016/ TH-2015	TH-2016/ KH-2016
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.763.660	1.695.000	1.818.971	103,14	107,31
2. Lợi nhuận thực hiện trước thuế	121.250	80.000	141.227	116,48	176,53
3. Sản lượng tiêu thụ					
+ Cây đầu lọc (Tr.Cây)	14.488	14.220	15.061	103,95	105,91
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	1.793	1.840	1.963	109,48	106,68
+ Giấy sếp (Tấn)	1.883	1.840	1.887	100,21	102,55

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2016 đạt 1.818,97 tỷ đồng tương ứng tăng 107,31% so với kế hoạch năm và tăng 103,14% so với năm trước. Lợi nhuận thực hiện trước thuế của Công ty đạt 141,23 tỷ đồng tương ứng vượt 176,53% so với kế hoạch năm và tăng 116,48% so với năm trước.

- Tình hình tiêu thụ của các khách hàng của Công ty trong năm 2016 có những chuyển biến tích cực. Sản lượng chung của toàn ngành thuốc lá

Việt Nam duy trì ổn định, sản lượng tiêu thụ so với cùng kỳ năm trước là tương đương và có sự tăng trưởng nhẹ. Trong năm vừa qua, các Công ty sản xuất thuốc lá, cùng với chính phủ, đã chủ động và tích cực trong việc cạnh tranh, trấn áp hàng lậu đã tạo điều kiện cho những sản phẩm nội tiêu trong nước có điều kiện tăng trưởng; sản lượng tiêu thụ của Công ty ở cả ba nhóm hàng chính đều hoàn thành kế hoạch và tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016, Công ty luôn chú trọng công tác quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý tiêu hao vật tư để đảm bảo giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với khách hàng để đạt được kết quả lợi nhuận cao hơn so với năm 2015.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

↓ **Thuận Lợi:**

- Thuận lợi lớn trong năm 2016 là nguồn nguyên liệu ổn định về giá cả, tình hình tỷ giá USD có những thời điểm biến động nhưng nói chung, ổn định hơn so với kỳ vọng nên cũng mang đến những kết quả tích cực trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Lãi suất ngân hàng trong năm 2016 tuy có tăng nhưng không nhiều; công tác quản lý công nợ và điều phối vật tư khá tốt đã tạo thuận lợi cho Công ty kiểm soát tốt chi phí tài chính, đảm bảo nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

- Việc đầu tư máy-thiết bị mới của Công ty đã hoàn thành đúng tiến độ dự kiến, kịp thời bổ sung đưa vào vận hành, nguồn lực nhân sự của Công ty cũng đã được chuẩn bị rất tốt, đảm bảo đưa vào khai thác hiệu quả các thiết bị mới, đáp ứng cho thị trường thuốc lá điều ngày càng đa dạng và phong phú.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định và tăng trưởng.

↓ **Khó khăn:**

- Tình hình số lượng, chủng loại nhóm hàng nhãn in và giấy sáp tăng mạnh, cũng đã gây khá nhiều khó khăn cho công tác bố trí, điều phối sản xuất ... và chủng loại vật tư tồn kho cũng tăng tương ứng.

- Sự cạnh tranh của những nhà cung cấp khác, đặc biệt đối với mặt hàng nhãn in trong năm qua không những là khó khăn trước mắt mà sẽ làm

khó khăn liên tục trong thời gian tới. Tuy nhiên, đây cũng là động lực để Công ty không ngừng phấn đấu và phát triển.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	663.252	624.732	38.520	6,17
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	19.612	9.383	10.229	109,02
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	176.156	182.196	(6.040)	(3,32)
IV. Hàng tồn kho	466.824	431.695	35.129	8,14
V. Tài sản ngắn hạn khác	660	1.458	(798)	(54,73)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	119.156	114.338	4.818	4,21
I- Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	
II. Tài sản cố định	98.869	94.088	4.781	5,08
III. Tài sản dở dang dài hạn	37		37	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.250	20.250	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	782.408	739.070	43.338	5,86

Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng 5,86% chủ yếu là do:

- Tài sản ngắn hạn tăng 6,17% tương ứng 38,52 tỷ chủ yếu do:
 - + Hàng tồn kho tăng 8,14% tương ứng 35,13 tỷ do dự trữ hàng tồn kho phục vụ sản xuất;
 - + Tiền và tương đương tiền tăng 109,02% tương ứng 10,23 tỷ: dự trữ để thanh toán tiền mua vật tư đến hạn;
 - + Khoản phải thu ngắn hạn giảm 3,3% tương ứng 6 tỷ do thu hồi công nợ tốt.
- Tài sản dài hạn tăng 4,21% tương ứng 4,82 tỷ nguyên nhân chủ yếu do chênh lệch tăng giữa nguyên giá đầu tư TSCĐ 41,14 tỷ và khấu hao TSCĐ 36,36 tỷ.

b) Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn
Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	403.554	415.241	(11.687)	(2,81)
I. Nợ ngắn hạn	403.554	415.241	(11.687)	(2,81)
II. Nợ dài hạn	-	-	-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	378.854	323.829	55.025	16,99
I. Vốn chủ sở hữu	378.854	323.829	55.025	16,99
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	782.408	739.070	43.338	5,86

- Nợ phải trả của Công ty cuối năm giảm 2,81% tương đương 11,69 tỷ đồng chủ yếu do:

+ Phải trả người bán giảm 7,8 tỷ do Công ty thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và phụ tùng phục vụ sản xuất đúng hạn cho khách hàng.

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 11,3 tỷ do Công ty cân đối dòng tiền.

+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 9,3 tỷ do thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tăng từ 15% lên 20%.

- Vốn chủ sở hữu tăng 16,99% tương đương 55,03 tỷ đồng chủ yếu do:

+ Quỹ đầu tư phát triển tăng 20,3 tỷ do trích từ lợi nhuận năm 2015.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 34,7 tỷ chủ yếu do: Lợi nhuận năm trước để lại 17,4 tỷ, năm 2016 Công ty hoạt động hiệu quả, lợi nhuận sau thuế TNDN cao hơn so với năm trước là 9,9 tỷ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.

- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.

- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện hệ thống ISO để quản lý sản xuất.

- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch dự kiến của Công ty cho năm 2017 được xây dựng trên cơ sở tình hình thị trường hiện tại và xu hướng tiêu thụ trong thời gian sắp tới của từng mặt hàng cụ thể. Thông tin từ các đơn vị khách hàng cho thấy tình hình các mặt hàng tiêu thụ nội tiêu ổn định, tuy nhiên một số mặt hàng cho xuất khẩu giảm đáng kể sẽ tác động trực tiếp tới sản lượng tiêu thụ các sản phẩm phụ liệu của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng dự kiến việc điều chỉnh giá bán nhằm hỗ trợ các khách hàng truyền thống đã gắn bó với Công ty nhằm tiếp tục tăng năng lực cạnh tranh và bảo vệ thị phần sẵn có. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2017 sẽ tương ứng giảm theo.

- Sự cạnh tranh quyết liệt từ các Công ty tư nhân, các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, đồng USD sẽ tiếp tục mạnh lên do chính sách nâng lãi suất của chính phủ Mỹ, điều này đồng nghĩa với tỷ giá USD sẽ tiếp tục tăng trong năm 2017. Trong khi phần lớn nguyên liệu chính đầu vào đều là hàng nhập khẩu nên sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều vào sự biến động của tỷ giá.

- Hiện tại có thể thấy sẽ có nhiều yếu tố thúc đẩy sự phục hồi kinh tế Việt Nam trong năm 2017 như tác động của việc tham gia, đàm phán ký kết các hiệp định thương mại tự do mới, tiêu dùng trong nước có xu hướng tích cực, tình hình đầu tư và FDI sẽ có nhiều yếu tố thuận lợi để thúc đẩy việc thu hút nguồn vốn. Tuy nhiên, khó khăn và thách thức trong năm 2017 vẫn còn nhiều: tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2017 được dự báo tăng trưởng thấp hơn 2016, kinh tế thế giới sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro bởi diễn biến khó lường của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, thị trường chứng khoán trên thế giới và tình hình bất ổn chính trị tại một số khu vực. Nền kinh tế trong nước và quốc tế vẫn chưa thực sự ổn định đã ảnh hưởng tới sức mua của người tiêu dùng.

- Công ty sẽ tập trung vào công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh ... nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Vì vậy, căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2016, năng suất khai thác hiện tại, xu hướng phát triển sản phẩm cùng những chuyển biến của thị trường như những yếu tố ở trên, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2016</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.647.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	96.000
3	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	80.000
4	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (<i>quy đổi</i>)	Triệu cây	14.200
	- Nhãn in (<i>quy đổi</i>)	Triệu tờ	1.740
	- Giấy sếp các loại	Tấn	1.860

Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Sản phẩm của Công ty chủ yếu tập trung vào thị trường trong nước, xây dựng hình ảnh của Công ty đối với khách hàng, nỗ lực giữ vững thị phần hiện có, không ngừng khai thác mở rộng những thị phần có tiềm năng phát triển; tích cực đẩy mạnh công tác thị trường, thực hiện chương trình chăm sóc khách hàng tốt, chính sách giá linh hoạt ... nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Chủ động làm việc với khách hàng để điều chỉnh giá bán sản phẩm với phương châm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty gắn liền với lợi ích của khách hàng.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch nguyên liệu cho năm 2017, chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên vật liệu có chất lượng phù hợp và giá cả ổn định, cạnh tranh. Tỷ giá ngoại tệ USD, EUR cũng sẽ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty vì phần lớn nguyên vật liệu sản xuất của Công ty đều phải nhập khẩu.

- Kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong năm 2017 tập trung nâng cao công nghệ chuyên sâu trong việc khai thác những sản phẩm mới theo xu hướng sản phẩm cao cấp như giấy sếp nhiều màu, đục lỗ, cây đầu lọc thông thoáng, các hiệu ứng trên sản phẩm in.... Kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng sức cạnh tranh của Công ty.

- Luôn theo dõi chặt chẽ, cập nhật và kịp thời có sự điều chỉnh khi một số hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước có hiệu lực dẫn đến chính sách thuế nhập khẩu có sự thay đổi.

- Theo dõi tiến độ đầu tư các thiết bị mới, cải tiến, bảo dưỡng nâng cấp máy móc thiết bị hiện có nhằm duy trì và bổ sung năng lực sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

- Tiếp tục từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành, chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty; tiếp tục hoàn thiện các qui chế, qui định nội bộ, đẩy mạnh công tác đào tạo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

- Thực hiện chính sách trả công xứng đáng, khuyến khích phong trào thi đua sáng kiến trong sản xuất nhằm khai thác hiệu quả máy-thiết bị, giảm tiêu hao vật tư trong sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác sản xuất kinh doanh năm 2017 sẽ còn đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị và những lợi thế nội tại, ban điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty sẽ phấn đấu thực hiện kế hoạch 2017 ở mức cao nhất có thể, nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu SXKD Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị giao.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình tiêu thụ nước ở mức tương đương các năm trước, do Công ty không sử dụng nước trong quá trình sản xuất, chỉ dùng cho mục đích sinh hoạt, tưới cây và PCCC, quy mô Công ty không có sự thay đổi lớn.

- Tình hình sử dụng năng lượng ổn định, gồm 2 loại: điện năng và dầu diesel.

- Các nguồn thải không đổi, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Áp dụng quy chế tiền lương mới, đánh giá hiệu quả công việc qua KPI của vị trí công việc theo hệ thống đánh giá mới.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn.

- Với cộng đồng địa phương Công ty thực hiện đúng quy định về chất thải của pháp luật môi trường, không gây tiếng ồn cũng như nguồn nước thải đúng tiêu chuẩn quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

a. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong những tháng đầu 2016, thị trường thuốc lá Việt Nam đối diện với tình trạng suy giảm do tác động việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng thuốc lá kể từ 01/01/2016, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của Công ty. Tuy nhiên, nền kinh tế trong nước tiếp tục có sự ổn định và tăng trưởng nhẹ; công tác chống hàng lậu, hàng giả ngày càng được nhà nước và xã hội quan tâm, mặc dù chưa phát huy hiệu quả được như mong muốn, nhưng cũng góp phần làm tăng thêm sản lượng tiêu thụ cho thuốc lá sản xuất trong nước. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành thuốc lá Việt nam nói chung và của Công ty nói riêng, có được sự thuận lợi và diễn biến tích cực kể từ quý 3/2016.

- Lãi suất tiền vay duy trì ở mức thấp, tỷ giá ngoại tệ ổn định từ đầu năm đến cuối tháng 10/2016 và chỉ biến động tăng trở lại kể từ tháng 11/2016, cũng làm giảm đáng kể chi phí tài chính, chi phí nguyên liệu nhập khẩu so với kế hoạch dự tính.

- Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp cung cấp cho ngành công nghiệp thuốc lá ngày càng quyết liệt; mẫu mã, chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng và đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn. Vì vậy, Công ty cũng phải chấp nhận cạnh tranh, đầu tư chi phí thiết bị, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới... để đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Hội đồng quản trị, cùng với Ban Giám đốc và người lao động Công ty, đã quyết tâm triển khai các biện pháp cụ thể về thị trường, chú trọng công tác quản lý sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ưu thế cạnh tranh nên sản phẩm của Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, tin tưởng của khách hàng. Do vậy, trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể doanh thu vượt 7%, lợi nhuận thực hiện trước thuế vượt 77%.

b. Về hoạt động đầu tư và nguồn lực hỗ trợ

- Việc đầu tư thiết bị máy móc sản xuất luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trung và dài hạn. Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc đầu tư mới và đưa vào sử dụng các máy móc thiết bị như sau:

- ✚ 01 máy in ống đồng 08 màu giấy sấp .
- ✚ 01 máy cắt chia cuộn.
- ✚ 01 máy sản xuất cây đầu lọc.

- Hội đồng quản trị tiếp tục phê duyệt đầu tư mua sắm mới 01 máy ép nhũ giấy sấp 02 màu để bổ sung năng lực sản xuất kinh doanh cho năm tiếp theo 2017.

c. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động.

- Công ty luôn chú trọng chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

d. Về công tác đoàn thể và xã hội

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn và đoàn thanh niên trong Công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...

- Công ty cũng dành một phần kinh phí tham gia chương trình hỗ trợ đóng góp các hoạt động xã hội như tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo, xây dựng các công trình phúc lợi dân sinh tại các vùng sâu vùng xa có khó khăn... Kinh phí hỗ trợ đóng góp cho các hoạt động này trong năm khoảng 480 triệu đồng.

e. Đối với môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý.

- Công ty luôn giám sát và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm tiêu thụ điện năng, tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất kinh doanh.

f. Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

- Chuẩn bị tài liệu và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 15/04/2016 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện việc trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, được hoàn tất vào tháng 05/2016.
- Thực hiện việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 cho cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, được hoàn tất vào tháng 12/2016.
- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty nghiêm yết theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

g. Về tiềm năng sản phẩm của Công ty

- Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.
- Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sáp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước. Công tác thị trường luôn được Công ty chú trọng.
- Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao về hoạt động của Ban giám đốc Công ty trong năm 2016 cụ thể:

- Ban giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất;
- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc. Thu nhập của người lao động được nâng cao so

với năm 2015. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động;

- Ứng dụng Hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;

- Tổ chức việc triển khai xây dựng hệ thống quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18000:2007;

- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; thực hiện đúng, kịp thời Quy chế về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty để phát triển Công ty bền vững nhằm nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của người lao động Công ty hàng năm tăng trưởng.

- Thực hiện việc tái cấu trúc nguồn lực Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Liên tục cập nhật, hoàn thiện Hệ thống quản trị Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm tăng cường sự giám sát và quản lý Công ty.

- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm của các Công ty sản xuất thuốc lá. Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn.

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư... tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

- Phấn đấu giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc...

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
<p>1. Ông Phan Văn Tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 	<p>Nam</p> <p>04/11/1957</p> <p>An Giang</p> <p>Việt Nam</p> <p>Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân Kinh tế</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kế toán trưởng Công ty mẹ-Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam + Chủ tịch HĐQT Công ty CP chứng khoán Nhất Việt. + Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty liên doanh Vinatoyo. <p>0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.</p>
<p>2. Ông Bùi Tấn Hòa</p>	<p>Như trên(Thông tin như phần II.2.a)</p>
<p>3. Ông Cù Mạnh Đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu : 	<p>Nam</p> <p>21/06/1968</p> <p>Nam Định</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân kinh tế, cử nhân Công nghệ thông tin.</p> <p>Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ.</p> <p>Không.</p> <p>15.004 CP, chiếm 0,11% vốn điều lệ.</p>
<p>4. Ông Huỳnh Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : 	<p>Nam</p> <p>07/05/1966</p> <p>Hà Nội</p> <p>Việt Nam</p> <p>Thạc sĩ QTKD, Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật</p> <p>Ủy viên Hội đồng quản trị.</p>

+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Phó Phòng Tổ chức – Nhân sự Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Không.
5. Ông Trịnh Xuân Quang	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	26/03/1960
+ Nơi sinh :	Hà nội
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cơ khí
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	+ Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

Ghi chú: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 15/04/2016 đã bổ nhiệm Ông Huỳnh Nam thay thế Ông Trương Bình An Sơn vào Hội đồng quản trị.

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

- + Ông Phan Văn Tạo đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.751.900 cổ phiếu, chiếm 21% vốn điều lệ.
- + Ông Bùi Tấn Hòa đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 1.310.380 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Cù Mạnh Đạt đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 1.310.380 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Huỳnh Nam đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 1.310.380 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Trịnh Xuân Quang đại diện sở hữu cho Công ty TNHH 1 TV Thuốc Lá Sài Gòn số lượng 836.270 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

- + Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 03 thành viên : Ông Phan Văn Tạo, Ông Huỳnh Nam và Ông Trịnh Xuân Quang.
- + Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 02 thành viên : Ông Bùi Tấn Hòa và Ông Cù Mạnh Đạt.
- + Thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Chưa có.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Gồm 02 tiểu ban:

- Tiểu ban soát xét, đánh giá hệ thống quản trị Công ty
- Tiểu Ban xây dựng chiến lược phát triển Công ty.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
 - Thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;...
 - Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành 06 cuộc họp và ban hành 15 nghị quyết sau:

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	84/NQ-CPCL	03/02/2016	Thông nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016;
2	93/NQ-CPCL	03/02/2016	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2015; Kế hoạch SXKD quý 1 năm 2016; Thông qua quyết toán chi phí hoạt động thị trường năm 2015; Quyết toán chi phí thử nghiệm và ứng dụng công nghệ năm 2015; Quyết toán tiền lương Công ty năm 2015; Dự thảo sửa đổi điều lệ Công ty; Sửa đổi quy chế Công bố thông tin; Thông qua báo cáo KSNB Công ty quý 4/2015, kế hoạch KSNB quý 1/2016; vv...
3	189/NQ-	01/04/2016	Thông nhất thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; Thông nhất thông

	CPCL		qua đề xuất cổ tức 2015; Thống nhất nhân sự Công ty.
4	197a/NQ-CPCL	01/04/2016	Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD quý 2/2016; Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2016; Thống nhất đề xuất tiền lương, tiền thưởng của Ban kiểm soát; Thống nhất thông qua tài liệu họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
5	236/NQ-CPCL	15/04/2016	Phân công công việc các thành viên Hội đồng quản trị; Thống nhất thanh toán cổ tức đợt cuối 2015.
6	279/NQ-CPCL	04/05/2016	Thống nhất thông qua quyết toán dự án hoàn thành (máy in ống đồng 10 màu tích hợp UV và ép nhũ nóng); Thông qua báo cáo kiểm soát quý 1/2016 và kế hoạch quý 2/2016 của Ban KSNB.
7	400/NQ-CPCL	21/06/2016	Bổ nhiệm cán bộ Công ty.
8	549/NQ-CPCL	18/07/2016	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 2/2016; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2016; Thông qua chi phí hoạt động thị trường 06 tháng đầu năm 2016; Thông qua chi phí thử nghiệm ứng dụng công nghệ mới 06 tháng đầu năm 2016; Thông qua quy chế quản lý nợ Công ty; Thông qua kế hoạch quý 3/2016 của Ban kiểm soát nội bộ.
9	618/NQ-CPCL	23/08/2016	Thông qua dự án đầu tư máy ép nhũ giấy sáp.
10	633/NQ-CPCL	07/09/2016	Đồng ý chấp thuận điều chỉnh lương giám đốc.
11	741/NQ-CPCL	29/10/2016	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2016; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2016; Thông qua chi phí hoạt động thị trường 09 tháng đầu năm 2016; Thông qua kế hoạch chi phí thị trường năm 2017; Thông qua dự toán 02 khoản mục chi

			phí quản lý hành chính năm 2017, Thông qua chi phí thử nghiệm ứng dụng công nghệ 09 tháng đầu năm 2016; Thông qua kế hoạch chi phí ứng dụng công nghệ 2017; Phê duyệt công trình đầu tư máy ép nhũ giấy sấp; Đồng ý phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2016; Phê duyệt thanh lý 01 xe Toyota 07 chỗ và mua mới 01 xe ô tô khác thay thế; Chấp thuận việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ của Công ty; Báo cáo kết quả hoạt động quý 3/2016 của Ban kiểm soát nội bộ; Thông qua kế hoạch quý 4/2016 và hoạt động năm 2017 của Ban kiểm soát nội bộ.
12	742/NQ-CPCL	29/10/2016	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2016; Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ của Công ty.
13	744a/NQ-CPCL	31/10/2016	Đồng ý chấp thuận sửa đổi quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty.
14	851/NQ-CPCL	06/12/2016	Đồng ý phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động.
15	887/NQ-CPCL	15/12/2016	Thống nhất thông qua quy chế công tác cán bộ trong Công ty; Sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty; Đồng ý thông qua quyết toán dự án hoàn thành; Đồng ý thông qua thanh lý xe nâng cũ và trang bị xe nâng mới; Thông qua điều chỉnh kế hoạch 02 khoản mục chi phí quản lý hành chính năm 2017.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm tiểu ban soát xét đánh giá hệ thống Quản trị Công ty và tiểu ban xây dựng chiến lược tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị tham gia ý kiến đóng góp và triển khai công việc.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Ông Cù Mạnh Đạt.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Trương Bình An Sơn + Giới tính + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 02/08/1958 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân kinh tế tài chính, Thạc sĩ QTKD Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nhất Việt. 47.789 CP, chiếm 0,36% vốn điều lệ.
2. Bà Mai Thị Thu Lan + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nữ 26/12/1961 Gia Lâm, Hà Nội Việt Nam Cử nhân kinh tế. Ủy viên Ban Kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát nội bộ – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
3. Nguyễn Thế Long + Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác : + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	Nam 03/10/1980 Thái Bình Việt Nam Thạc sĩ Kinh doanh và Quản lý, Cử nhân kinh tế Ủy viên Ban Kiểm soát Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán, Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

Ghi chú: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 15/04/2016 đã bầu Ông Trương Bình An Sơn, Ông Nguyễn Thế Long thay thế Ông Nguyễn Hữu Tài, bà Nguyễn Thị Lan Anh vào Ban kiểm soát và Ông Trương Bình An Sơn được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát theo biên bản phiên họp Ban kiểm soát kỳ 1/2016 số 239/BB-CPCL ngày 15/04/2016.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát 2016:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016;
- Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Cát Lôi về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2016 trước khi trình ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra công nợ và các hợp đồng mua bán nguyên, phụ liệu;
- Kiểm tra chi phí;
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho Hội đồng quản trị Công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo thư mời.
- Trong năm 2016 Ban kiểm soát Công ty đã họp trên 2 lần trong năm và kiểm tra theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban.
 - ✚ Ngày 06 và 07/7/2016, tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các Hợp đồng mua bán nguyên vật, công cụ lao động, phụ tùng thay thế, tiêu thụ sản phẩm; chi phí 6 tháng đầu năm 2016;
 - ✚ Ngày 09 và 10/11/2016, kiểm tra việc thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng, định mức nguyên vật liệu và chi phí quý 3/2016;
 - ✚ Thông qua điện thoại, Email Ban kiểm soát tiến hành họp với với mục đích đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2016; đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát; kiểm điểm của các thành viên ban kiểm soát và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2017 của Ban kiểm soát.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp HĐQT đều mở rộng, có Ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của HĐQT đều được chuyển sang Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và điều hành của Ban Giám đốc.

- Thường xuyên phối hợp cùng với HĐQT, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động SXKD, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của HĐQT đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát năm 2016:

Đơn vị tính đồng.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Phan Văn Tạo	Chủ tịch HĐQT	274.055.443	72.580.000	346.635.443
2	Bùi Tấn Hòa	Ủy viên, Giám đốc	1.499.187.422	80.645.000	1.579.832.422
3	Trịnh Xuân Quang	Ủy viên	278.055.443	80.645.000	358.700.443
4	Huỳnh Nam	Ủy viên	168.836.221	-	168.836.221
5	Trương Bình An Sơn	Ủy viên, Kế toán trưởng	172.604.273	80.645.000	253.249.273
6	Cù Mạnh Đạt	Ủy viên	685.273.953	80.645.000	765.918.953
	Tổng cộng		3.078.012.755	395.160.000	3.473.172.755
BAN KIỂM SOÁT					
Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Trương Bình An Sơn	Trưởng BKS	566.542.960	-	566.542.960

2	Mai Thị Thu Lan	Trưởng BKS, Ủy viên	166.751.000	-	166.751.000
3	Nguyễn Thế Long	Ủy viên	100.241.000	-	100.241.000
4	Nguyễn Thị Lan Anh	Ủy viên	46.050.000	-	46.050.000
5	Phạm Hữu Tài	Ủy viên	140.455.685	-	140.455.685
	Tổng cộng		1.020.040.645	-	1.020.040.645

BAN GIÁM ĐỐC

Stt	Họ và tên	Chức Vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	848.672.607	40.323.000	888.995.607
3	Nguyễn Hoàng Minh	Phó giám đốc	885.719.714	40.323.000	926.042.714
	Tổng cộng		1.734.392.321	80.646.000	1.815.038.321

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trương Bình An Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	48.999	0,37%	47.789	0,36%	Bán 3.000, Mua 1.790
2	Cù Mạnh Đạt	TV HĐQT	27.004	0,21%	15.004	0,11%	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Chỉ có cổ đông nội bộ là Ông Trịnh Xuân Quang là Phó

Giám đốc của Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn, Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn có hợp đồng giao dịch mua hàng của Công ty trị giá phát sinh doanh thu trong năm 2016 là 861.497.274.190 đồng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

- Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình

bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG .</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, từ trang 6 đến trang 42 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch	
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên	
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên	
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên	
Ông Huỳnh Nam	Thành viên	Bổ nhiệm từ 15/04/2016
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm từ 15/04/2016

Ban Kiểm soát

Ông Trương Bình An Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ 15/04/2016
Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm từ 15/04/2016
	Thành viên	Bổ nhiệm từ 15/04/2016
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ 15/4/2016
Ông Nguyễn Thế Long	Thành viên	Bổ nhiệm từ 15/04/2016
Ông Phạm Hữu Tài	Thành viên	Miễn nhiệm từ 15/4/2016

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 15/04/2016 là ông Trương Bình An Sơn. Phụ trách phòng kế toán trong giai đoạn từ ngày 15/04/2016 đến ngày 30/06/2016 và Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này là ông Liêu Phước Tính.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Bùi Tấn Hòa
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Số. 16 /2017/UHYACAHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		663.252.021.260	624.732.378.289
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.612.344.505	9.383.200.766
Tiền	111		19.612.344.505	9.383.200.766
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.155.491.103	182.196.252.750
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	174.204.302.726	180.551.322.444
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.837.244.215	1.556.010.306
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	113.944.162	88.920.000
Hàng tồn kho	140	9	466.824.334.728	431.694.866.732
Hàng tồn kho	141		466.824.334.728	431.694.866.732
Tài sản ngắn hạn khác	150		659.850.924	1.458.058.041
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		44.975.143	117.047.339
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	614.875.781	1.341.010.702
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.155.743.102	114.337.520.819
Tài sản cố định	220		98.869.065.745	94.087.520.819
Tài sản cố định hữu hình	221	11	92.812.061.548	87.557.849.480
- Nguyên giá	222		571.412.332.106	530.344.125.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(478.600.270.558)	(442.786.276.069)
Tài sản cố định vô hình	227	12	6.057.004.197	6.529.671.339
- Nguyên giá	228		17.370.929.799	17.301.529.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.313.925.602)	(10.771.858.460)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	36.677.357	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.677.357	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	20.250.000.000	20.250.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		20.250.000.000	20.250.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		782.407.764.362	739.069.899.108

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		403.553.653.958	415.240.701.633
Nợ ngắn hạn	310		403.553.653.958	415.240.701.633
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	53.001.908.994	60.822.585.714
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.342.408	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	16.876.969.466	7.541.879.614
Phải trả người lao động	314		14.247.125.121	16.955.240.795
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	241.111.587	192.051.109
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	742.362.736	2.398.725.510
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	311.128.534.669	322.445.943.332
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.294.298.977	4.884.275.559
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		378.854.110.404	323.829.197.475
Vốn chủ sở hữu	410	20	378.854.110.404	323.829.197.475
Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.038.300.000	131.038.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		138.523.962.422	118.193.934.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.291.847.982	74.596.963.205
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.394.260.977	(7.397.432.553)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		91.897.587.005	81.994.395.758
TỔNG NGUỒN VỐN	440		782.407.764.362	739.069.899.108

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phạm Hồng Trường

Liêu Phước Tính

Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.817.520.543.073	1.762.605.673.250
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.817.520.543.073	1.762.605.673.250
Giá vốn hàng bán	11	23	1.556.670.926.569	1.524.988.492.817
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		260.849.616.504	237.617.180.433
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	697.890.335	906.528.724
Chi phí tài chính	22	25	35.291.937.223	37.012.242.738
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.457.963.161	17.555.475.407
Chi phí bán hàng	25	26	29.388.229.790	30.735.820.429
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	56.137.806.878	49.572.048.443
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		140.729.532.948	121.203.597.547
Thu nhập khác	31	27	752.473.968	146.837.602
Chi phí khác	32	28	255.356.676	100.423.143
Lợi nhuận khác	40		497.117.292	46.414.459
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		141.226.650.240	121.250.012.006
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	29.673.318.235	18.669.585.987
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	930.285.261
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111.553.332.005	101.650.140.758
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	8.513	6.982
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	8.513	6.982

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phạm Hồng Trường

Kế toán trưởng

Liêu Phước Tính

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		141.226.650.240	121.250.012.006
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		36.356.061.631	24.429.680.591
Các khoản dự phòng	03		-	(196.335.696)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.258.115)	13.014.162
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05		(382.692.194)	(358.598.572)
Chi phí lãi vay	06		17.457.963.161	17.555.475.407
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		194.650.724.723	162.693.247.898
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.766.896.568	(21.234.851.048)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.129.467.996)	58.784.012.882
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.472.141.917)	(13.461.961.274)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		72.072.196	(78.233.892)
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.408.902.683)	(17.661.101.571)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.021.041.825)	(14.514.980.934)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		22.300.000	13.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.277.290.658)	(7.173.681.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		108.203.148.408	147.365.950.295
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41.174.283.914)	(73.485.591.514)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		382.692.194	358.598.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40.791.591.720)	(73.126.992.942)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.406.089.393.011	1.510.390.297.553
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.417.406.801.674)	(1.536.061.647.629)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.863.405.000)	(45.863.560.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.180.813.663)	(71.534.910.401)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.230.743.025	2.704.046.952
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	9.383.200.766	6.679.151.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.599.286)	2.084
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	19.612.344.505	9.383.200.766

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Hồng Trường

Liêu Phước Tính



Bùi Tấn Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/08/2008 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 131.038.300.000 đồng chia thành 13.103.830 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 6.683.040 cổ phần tương ứng 66.830.400.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 6.420.790 cổ phần tương ứng 64.207.900.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương TP.HCM và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Trong năm 2016 của Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

4.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định thời gian khấu hao từ 2 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)***Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá và Thông tư 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ kỳ kế toán được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4.17 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	232.900.500	163.510.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.379.444.005	9.219.690.266
Cộng	19.612.344.505	9.383.200.766

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	174.204.302.726	180.551.322.444
- Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Thăng Long	44.412.876.231	40.425.919.216
- Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Sài Gòn	73.138.281.962	72.577.476.343
- Các khoản phải thu khách hàng khác	56.653.144.533	67.547.926.885
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	149.720.803.768	154.860.737.873
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	2.847.775.173	1.425.008.706
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	1.323.385.569	1.842.314.280
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	2.196.276.920	3.339.655.968
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	1.044.281.604	2.193.665.301
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	4.791.948.712	7.570.786.078
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	4.902.529.698	10.249.261.359
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	8.921.057.597	8.435.402.328
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	44.412.876.231	40.425.919.216
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	73.138.281.962	72.577.476.343
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	336.490.682	160.028.440
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	5.805.899.620	6.641.219.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
a. Trả trước người bán ngắn hạn	1.837.244.215	1.556.010.306
- Công ty Rieckermann Service	-	1.163.598.750
- Công ty CP Điện Tự Động Hoá Lập Nhân	249.156.930	12.870.000
- Công ty TNHH MTV Khởi Nguyên	354.900.000	-
- Trung tâm thiết bị PCCC 4/10	197.433.200	-
- P.T.Surya Pamenang	709.175.253	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	326.578.832	379.541.556
b. Trả trước người bán dài hạn	-	-
c. Trả trước người bán là các bên liên quan	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	113.944.162	-	88.920.000	-
- Tạm ứng	88.944.162	-	63.920.000	-
- Ký cược, ký quỹ	25.000.000	-	25.000.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	113.944.162	-	88.920.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	3.163.632.044	-	2.217.399.647	-
Nguyên liệu, vật liệu	425.666.824.145	-	397.757.042.322	-
Công cụ, dụng cụ	30.059.090	-	4.050.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.263.108	-	113.967.509	-
Thành phẩm	37.947.556.341	-	31.602.407.254	-
Cộng	466.824.334.728	-	431.694.866.732	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhập khẩu	1.341.010.702	19.204.747.757	18.478.612.836	614.875.781
Cộng	1.341.010.702	19.204.747.757	18.478.612.836	614.875.781

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2016	29.047.808.367	486.686.292.596	10.423.795.771	4.186.228.815	530.344.125.549
- Mua trong năm	410.846.150	37.728.451.431	2.416.406.800	512.502.176	41.068.206.557
Tại 31/12/2016	29.458.654.517	524.414.744.027	12.840.202.571	4.698.730.991	571.412.332.106
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2016	(26.601.446.728)	(404.472.849.847)	(8.277.686.432)	(3.434.293.062)	(442.786.276.069)
- Khấu hao trong năm	(259.531.488)	(33.657.184.901)	(1.349.984.498)	(547.293.602)	(35.813.994.489)
Tại 31/12/2016	(26.860.978.216)	(438.130.034.748)	(9.627.670.930)	(3.981.586.664)	(478.600.270.558)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	2.446.361.639	82.213.442.749	2.146.109.339	751.935.753	87.557.849.480
Tại 31/12/2016	2.597.676.301	86.284.709.279	3.212.531.641	717.144.327	92.812.061.548

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 365.966.037.488 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 là 75.479.880.247 đồng.

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 là 2.186.830.151 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	15.502.607.589	1.798.922.210	17.301.529.799
- Mua trong năm	-	69.400.000	69.400.000
Tại 31/12/2016	<u>15.502.607.589</u>	<u>1.868.322.210</u>	<u>17.370.929.799</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2016	(9.141.730.000)	(1.630.128.460)	(10.771.858.460)
- Khấu hao trong năm	(350.140.056)	(191.927.086)	(542.067.142)
Tại 31/12/2016	<u>(9.491.870.056)</u>	<u>(1.822.055.546)</u>	<u>(11.313.925.602)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	<u>6.360.877.589</u>	<u>168.793.750</u>	<u>6.529.671.339</u>
Tại 31/12/2016	<u>6.010.737.533</u>	<u>46.266.664</u>	<u>6.057.004.197</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 1.798.922.210 đồng.

Nguyên giá của tài cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng tại ngày 31/12/2016 là: 15.502.607.589 đồng.

Giá trị còn lại của tài cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng tại ngày 31/12/2016 là: 6.010.737.533 đồng.

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>
Mua sắm				
Máy ép nhũ	9.728.182	9.728.182	-	-
Máy sản xuất CĐL	26.949.175	26.949.175	-	-
Cộng	<u>36.677.357</u>	<u>36.677.357</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.250.000.000	20.250.000.000	-	20.250.000.000	20.250.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	20.250.000.000	20.250.000.000	-	20.250.000.000	20.250.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt</i>	20.250.000.000	20.250.000.000	-	20.250.000.000	20.250.000.000	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	53.001.908.994	53.001.908.994	60.822.585.714	60.822.585.714
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	3.252.163.200	3.252.163.200	23.129.867.938	23.129.867.938
- Công ty TNHH Vinatoyo	7.111.813.390	7.111.813.390	7.961.110.322	7.961.110.322
- Công ty TNHH Bao Bì giấy nhôm New Toyo	9.676.586.861	9.676.586.861	5.849.868.790	5.849.868.790
- British American Tobacco	7.185.117.022	7.185.117.022	4.119.584.726	4.119.584.726
- Các khoản phải trả người bán khác	25.776.228.521	25.776.228.521	19.762.153.938	19.762.153.938
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	5.479.848.630	5.479.848.630	25.516.368.782	25.516.368.782
- Công ty Thương Mại Miền Nam	1.764.153.648	1.764.153.648	1.931.333.984	1.931.333.984
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	3.252.163.200	3.252.163.200	23.129.867.938	23.129.867.938
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	463.531.782	463.531.782	455.166.860	455.166.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.171.852.707	33.057.666.002	28.449.081.574	5.780.437.135
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	68.752.499.639	68.752.499.639	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.016.382.540	29.673.318.235	25.021.041.825	10.668.658.950
- Thuế thu nhập cá nhân	353.644.367	5.487.345.399	5.413.116.385	427.873.381
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	24.065.400	24.065.400	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	372.558.096	372.558.096	-
Cộng	7.541.879.614	137.370.452.771	128.035.362.919	16.876.969.466

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	241.111.587	192.051.109
Cộng	241.111.587	192.051.109

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	38.833.240	36.604.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	129.675.100	50.000.000
Tạm thu tiền thuế TNCN	-	1.969.209.536
Cổ tức phải trả	-	155.325
Các khoản phải trả, phải nộp khác	573.854.396	342.756.189
Cộng	742.362.736	2.398.725.510

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2016		Trong năm		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	311.128.534.669	311.128.534.669	1.406.089.393.011	1.417.406.801.674	322.445.943.332	322.445.943.332
- NH Công Thương Việt Nam (*)	52.296.038.516	52.296.038.516	301.467.569.296	360.542.258.223	111.370.727.443	111.370.727.443
- NH Ngoại Thương Việt Nam (**)	258.832.496.153	258.832.496.153	1.034.690.089.070	986.932.808.806	211.075.215.889	211.075.215.889
Ngân hàng ANZ Việt Nam	-	-	17.083.410.014	17.083.410.014	-	-
Ngân hàng CTBC Bank	-	-	38.473.982.950	38.473.982.950	-	-
Ngân hàng Shinhan Bank	-	-	14.374.341.681	14.374.341.681	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	311.128.534.669	311.128.534.669	1.406.089.393.011	1.417.406.801.674	322.445.943.332	322.445.943.332

Các khoản vay ngân hàng theo các hợp đồng hạn mức tín dụng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, dây chuyền máy ATN 9 màu và Quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,0%	66.830.400.000	66.830.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,4%	8.362.700.000	8.362.700.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,1%	5.338.040.000	5.338.040.000
Cổ đông khác	38,5%	50.507.160.000	50.507.160.000
Cộng	100%	131.038.300.000	131.038.300.000

20.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.830	13.103.830
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu phổ thông	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu phổ thông	13.103.830	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

20.3 CỔ TỨC

Cổ tức năm 2015 được chia bằng tiền mặt với tỷ lệ 35% trên mệnh giá. Trong năm 2016, Công ty trả cổ tức đợt cuối năm 2015 là 20% trên mệnh giá bằng tiền mặt với tổng số tiền là 26.207.660.000 đồng và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 là 15% trên mệnh giá bằng tiền mặt với số tiền 19.655.745.000 đồng.

20.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	125.420.132.422	105.090.104.270
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.103.830.000	13.103.830.000
Cộng	138.523.962.422	118.193.934.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015	131.038.300.000	78.622.980.000	-	66.033.873.819	275.695.153.819
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	101.650.140.758	101.650.140.758
- Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	39.570.954.270	-	(73.431.306.372)	(33.860.352.102)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	39.570.954.270	-	(39.570.954.270)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(7.152.692.102)	(7.152.692.102)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2014 (20%)	-	-	-	(26.207.660.000)	(26.207.660.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015 (15%)	-	-	-	(19.655.745.000)	(19.655.745.000)
Tại 31/12/2015	131.038.300.000	118.193.934.270	-	74.596.963.205	323.829.197.475
Tại 01/01/2016	131.038.300.000	118.193.934.270	-	74.596.963.205	323.829.197.475
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	111.553.332.005	111.553.332.005
- Phân phối lợi nhuận năm 2015 (*)	-	20.330.028.152	-	(57.202.702.228)	(36.872.674.076)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	20.330.028.152	-	(20.330.028.152)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(10.165.014.076)	(10.165.014.076)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2015 (20%)	-	-	-	(26.207.660.000)	(26.207.660.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2016 (15%) (**)	-	-	-	(19.655.745.000)	(19.655.745.000)
Tại 31/12/2016	131.038.300.000	138.523.962.422	-	109.291.847.982	378.854.110.404

(*) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 số 234/NQ-CPCL ngày 15/04/2016.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 742/NQ-CPCL ngày 29/10/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
a) Tài sản thuê ngoài	-	11.602.850.553
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công	414.552.000	476.656.007
c) Ngoại tệ các loại:	-	-
- USD	27.307,40	545,86
- EUR	243,63	-
- GBP	146,15	-
- JPY	32.153,00	-

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.817.520.543.073	1.762.605.673.250
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.799.526.982.818	1.744.463.986.817
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	997.474.822	586.068.117
Doanh thu gia công, chế biến	4.584.782.105	5.825.306.306
Doanh thu phế liệu thu hồi	11.783.294.257	11.084.018.415
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	628.009.071	646.293.595
b) Doanh thu với các bên liên quan	1.685.160.601.697	1.603.869.123.798
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	18.967.216.967	24.678.341.485
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	14.632.811.278	18.011.920.513
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	22.378.020.428	21.279.298.131
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	16.213.315.273	23.427.060.364
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	54.201.056.937	56.131.131.398
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	48.694.331.497	40.255.037.323
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	40.369.238.031	37.389.151.513
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	861.497.274.190	797.657.993.728
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	55.011.928.169	41.742.910.476
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	494.702.822.893	418.439.190.387
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	72.000.000	7.104.794.000
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	1.796.134.782	1.330.555.030
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	56.624.451.252	116.421.739.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.539.477.128.652	1.508.432.339.908
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	928.033.807	492.189.126
Giá vốn gia công chế biến	3.854.460.782	4.333.605.197
Giá vốn phế liệu thu hồi	11.783.294.257	11.084.018.415
Giá vốn của dịch vụ khác	628.009.071	646.293.595
Giá vốn hao hụt hàng tồn kho	-	46.576
Cộng	1.556.670.926.569	1.524.988.492.817

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	382.692.194	358.598.572
Lãi do đánh giá lại số dư cuối năm	7.258.115	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	307.940.026	547.930.152
Cộng	697.890.335	906.528.724

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	17.457.963.161	17.555.475.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	198.996.454	2.318.763.330
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối năm	-	13.014.162
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn	-	(196.335.696)
Chiết khấu thanh toán	17.634.977.608	17.321.325.535
Cộng	35.291.937.223	37.012.242.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	56.137.806.878	49.572.048.443
Chi phí nhân viên quản lý	36.409.081.342	32.087.675.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.334.100.263	4.060.636.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.785.638.453	2.614.152.778
Chi phí khác bằng tiền	14.608.986.820	10.809.583.873
b. Các khoản chi phí bán hàng	29.388.229.790	30.735.820.429
Quảng cáo, tiếp khách	3.947.530.325	6.525.254.618
Cước vận chuyển, bốc xếp	25.384.248.788	24.119.195.688
Chi phí vật liệu bao bì	51.579.465	71.545.754
Chi phí khác bằng tiền	4.871.212	19.824.369
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền bồi hoàn sản phẩm hư hỏng	81.843.279	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	28.736.250
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	273.636.270	-
Thu nhập khác	396.994.419	118.101.352
Cộng	752.473.968	146.837.602

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	8.328.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	117.060
Các khoản bị phạt thuế	238.269.738	54.795.446
Chi phí khác	8.758.938	45.510.637
Cộng	255.356.676	100.423.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	141.226.650.240	121.250.012.006
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.139.940.935	(5.560.226.591)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>7.521.598.511</i>	<i>6.843.578.970</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(381.657.576)</i>	<i>(12.403.805.561)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	148.366.591.175	115.689.785.415
Thu nhập được ưu đãi miễn giảm (Thuế suất 15%)	-	96.888.097.193
Thu nhập không được ưu đãi miễn giảm (Thuế suất 22%)	-	18.801.688.222
Thu nhập không được ưu đãi miễn giảm (Thuế suất 20%)	148.366.591.175	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.673.318.235	18.669.585.987

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	111.553.332.005	101.650.140.758
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(10.165.014.076)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	13.103.830	13.103.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	8.513	6.982

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2015. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 234/NQ-CPCL 2016 ngày 15/04/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 10.165.014.076 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra trong năm 2016, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	111.553.332.005	101.650.140.758
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(10.165.014.076)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	13.103.830	13.103.830
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (Cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	8.513	6.982

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2015. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 234/NQ-CPCL 2016 ngày 15/04/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 10.165.014.076 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, trong năm 2016, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2016.

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam. Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	1.685.160.601.697	1.603.869.123.798
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	18.967.216.967	24.678.341.485
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	14.632.811.278	18.011.920.513
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	22.378.020.428	21.279.298.131
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	16.213.315.273	23.427.060.364
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	54.201.056.937	56.131.131.398
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	48.694.331.497	40.255.037.323
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	40.369.238.031	37.389.151.513
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	861.497.274.190	797.657.993.728
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	55.011.928.169	41.742.910.476
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	494.702.822.893	418.439.190.387
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	72.000.000	7.104.794.000
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	1.796.134.782	1.330.555.030
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	56.624.451.252	116.421.739.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	464.499.846.254	381.539.578.603
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	765.463.555	1.177.811.490
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	443.738.312.813	362.146.929.290
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	48.085.000	34.875.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	555.978.840	662.619.440
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	41.100.000	34.635.000
Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	-	199.621.680
Công ty Thương Mại Miền Nam	19.350.906.046	17.283.086.703

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Các khoản phải thu	149.720.803.768	154.860.737.873
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	2.847.775.173	1.425.008.706
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	1.323.385.569	1.842.314.280
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	2.196.276.920	3.339.655.968
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	1.044.281.604	2.193.665.301
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	4.791.948.712	7.570.786.078
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	4.902.529.698	10.249.261.359
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	8.921.057.597	8.435.402.328
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	44.412.876.231	40.425.919.216
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	73.138.281.962	72.577.476.343
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	336.490.682	160.028.440
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	5.805.899.620	6.641.219.854
Các khoản phải trả	5.479.848.630	25.516.368.782
Công ty Thương Mại Miền Nam	1.764.153.648	1.931.333.984
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	3.252.163.200	23.129.867.938
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	463.531.782	455.166.860

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc	6.518.446.328	5.527.793.686
Thù lao của Ban Kiểm Soát	1.231.071.836	853.592.573
Cộng	7.749.518.164	6.381.386.259

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn nút, giấy sếp và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn nút VND	Giấy sếp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Năm 2016					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					1.817.520.543.073
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.152.670.318.515	445.276.387.243	201.580.277.060	17.993.560.255	1.676.293.892.833
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.075.216.586.782	408.449.902.489	175.664.171.366	16.963.232.196	1.411.130.060.633
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.453.731.733	36.826.484.754	25.916.105.694	1.030.328.059	141.226.650.240
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	11.487.252.872	1.777.745.880	23.803.452.679	4.069.155.126	41.137.606.557
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	782.407.764.362
Tài sản không phân bổ					782.407.764.362
Tổng tài sản					-
Nợ phải trả bộ phận					403.553.653.958
Nợ phải trả không phân bổ					403.553.653.958
Tổng nợ phải trả					403.553.653.958

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn nút VND	Giấy sếp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Năm 2015					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					1.762.605.673.250
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.158.459.176.162	409.962.515.125	176.042.295.530	18.141.686.433	1.641.355.661.244
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.090.511.664.451	369.094.864.674	164.906.603.474	16.842.528.645	121.250.012.006
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	67.947.511.711	40.867.650.451	11.135.692.056	1.299.157.788	73.696.474.917
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	998.251.585	67.672.527.887	1.599.090.909	3.426.604.536	-
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	739.069.899.108
Tài sản không phân bổ					739.069.899.108
Tổng tài sản					-
Nợ phải trả bộ phận					415.240.701.633
Nợ phải trả không phân bổ					415.240.701.633
Tổng nợ phải trả					415.240.701.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.612.344.505	9.383.200.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.229.302.726	180.576.322.444
Đầu tư dài hạn	20.250.000.000	20.250.000.000
Cộng	214.091.647.231	210.209.523.210
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	311.128.534.669	322.445.943.332
Phải trả người bán và phải trả khác	53.705.438.490	61.215.497.228
Chi phí phải trả	241.111.587	192.051.109
Cộng	365.075.084.746	383.853.491.669

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Tổng quan

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- a. Rủi ro thị trường
- b. Rủi ro tín dụng
- c. Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(a.1) Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với ngoại tệ như sau:

	Tại ngày 31/12/2016	
	Nguyên tệ	VND tương đương
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng		
USD	27.307,40	619.871.123
EUR	243,63	5.809.845
GBP	146,15	4.060.632
JPY	32.153,00	6.201.992
Cộng	59.850,18	635.943.592
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán		
USD	460.994,34	10.506.061.009
EUR	86.379,60	2.088.831.487
Cộng	547.373,94	12.594.892.496
Mức rủi ro tiền tệ	(487.523,76)	(11.958.948.904)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

a. Rủi ro thị trường (tiếp)

(a.1) Rủi ro tiền tệ (tiếp)

	Tại ngày 01/01/2016	
	Nguyên tệ	VND tương đương
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng		
USD	545,86	12.254.558
Cộng	545,86	12.254.558
Nợ tài chính		
Phải trả người bán		
USD	204.044,33	4.595.078.312
Cộng	204.044,33	4.595.078.312
Mức rủi ro tiền tệ	(203.498,47)	(4.582.823.754)

Tại ngày 31/12/2016, nếu đồng Đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với đồng Việt Nam không kể các yếu tố khác thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính 2016 sẽ giảm/tăng một khoản là 210.121.220 đồng Việt Nam (10.506.061.009 đồng x 2%) do lỗ/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính có gốc là đồng Đô la Mỹ.

(a.2) Rủi ro giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát và điều hành.

(a.3) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị tổn thất tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

b. Rủi ro tín dụng (tiếp)

Phải thu khách hàng

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Giám đốc chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Số dư với ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Giá trị các khoản phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 174.204.302.726 đồng. Trong đó giá trị phải thu khách hàng quá hạn tuy nhiên không suy giảm giá trị theo đánh giá của Công ty tại ngày 31/12/2016 chi tiết như sau:

Quá hạn	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Từ 1 đến 30 ngày	3.750.742.438	6.095.984.598
Từ 31 đến 60 ngày	-	1.465.359.521
Từ 61 đến 90 ngày	-	-
Trên 90 ngày	-	-
Cộng	3.750.742.438	7.561.344.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Công ty quản lý mức thanh khoản bằng cách đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tại ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016				
Vay và nợ ngắn hạn	311.128.534.669	-	-	311.128.534.669
Phải trả người bán và phải trả khác	53.705.438.490	-	-	53.705.438.490
Chi phí phải trả	241.111.587	-	-	241.111.587
Cộng	365.075.084.746	-	-	365.075.084.746
Tại 01/01/2016				
Vay và nợ ngắn hạn	322.445.943.332	-	-	322.445.943.332
Phải trả người bán và phải trả khác	61.215.497.228	-	-	61.215.497.228
Chi phí phải trả	192.051.109	-	-	192.051.109
Cộng	383.853.491.669	-	-	383.853.491.669

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

c. Rủi ro thanh khoản

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.612.344.505	-	-	19.612.344.505
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.229.302.726	-	-	174.229.302.726
Đầu tư dài hạn	-	20.250.000.000	-	20.250.000.000
Cộng	193.841.647.231	20.250.000.000	-	214.091.647.231
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.383.200.766	-	-	9.383.200.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	180.576.322.444	-	-	180.576.322.444
Đầu tư dài hạn	-	20.250.000.000	-	20.250.000.000
Cộng	189.959.523.210	20.250.000.000	-	210.209.523.210

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh lại như được nêu tại mục 30 và 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phạm Hồng Trường

Kế toán trưởng

Liêu Phước Tính

Giám đốc



Bùi Tấn Hòa